

Số: 01/NQ-HĐND

Krông Pắc, ngày 01 tháng 3 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu
Đông Bắc, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC
KHÓA X, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12, ngày 17/6/2009 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 907/QĐ-UBND, ngày 16/4/2009 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2006-2020;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-UBND, ngày 01/4/2010 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 45/TTr-UBND, ngày 26/02/2016 của UBND huyện Krông Pắc về việc đề nghị thông qua điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đông Bắc thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - xã hội Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua điều chỉnh đồ án quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Đông Bắc thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc như sau:

1. Nội dung điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất

Điều chỉnh sân vận động – nhà thi đấu đa năng từ diện tích 71.997m² xuống 56.671m² theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 287-2004 của Bộ Xây dựng. Diện tích còn lại 10.826m² thực hiện phân lô nhà ở liên kế, tổng số 67 lô và xây dựng đường giao thông 4.500m².

Điều chỉnh đất Trường dạy nghề với diện tích 12.563m² thành đất ở liên kế phân lô bán đấu giá. Tổng số 101 lô.

2. Các nội dung khác: Thực hiện theo Quyết định phê duyệt số 2817/QĐ-UBND, ngày 13/9/2012 của UBND huyện Krông Pắc.

3. Về cơ cấu sử dụng đất; dự kiến nguồn kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng và nguồn thu từ thực hiện dự án (phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân huyện giao cho Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện Nghị quyết này và báo cáo kết quả tại các kỳ họp của Hội đồng nhân dân huyện.

2. Giao cho Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện Krông Pắc khóa X, kỳ họp bất thường thông qua ngày 01/3/2016./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT Huyện ủy;
- DB HĐND;
- UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Dũng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Nghị quyết số 01 /NQ-NDND, ngày 01/3/2016 của HĐND huyện Krông Pắc)

1. Về cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

1.1 Cơ cấu sử dụng đất theo quyết định số 2817/QĐ-UBND ngày 13/9/2012 của UBND huyện Krông Pắc: Bảng cân bằng đất đai

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Bình Quân (m ² /ng)
1	Đất ở	175,683.0	28.8%	50.2
2	Đất công trình công cộng	111,317.0	18.2%	31.8
3	Đất công viên cây xanh - TDTT	187,676.0	30.8%	53.6
4	Đất giao thông - sân bãi	135,595.0	22.2%	38.7
	TỔNG CỘNG	610,271.0	100.0%	174.4

1.2 Cơ cấu sử dụng đất sau khi điều chỉnh quy hoạch: Bảng cân bằng đất đai

Stt	Đã phê duyệt			Sau khi điều chỉnh		Tăng (+), giảm (-)
	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	
1	Đất ở	175.683,00	28,80%	185.855,00	30,45%	1,65%
	Đất ở hiện hữu cải tạo	23.154,00		27.717,00		
	Đất nhà liên kế vườn	56.028,00		77.994,00		
	Đất biệt thự	96.501,00		80.144,00		
2	Đất công trình công cộng	111.317,00	18,20%	114.871,00	18,83%	0,63%
3	Đất công viên cây xanh - TDTT	187.676,00	30,80%	166.732,00	27,32%	-3,48%
	Đất svd - nhà thi đấu đa năng huyện	71.997,00		56.671,00		
	Đất cây xanh khu vực – cx cách ly	9.691,00		4.073,00		
	Đất ao hồ (cải tạo, nâng cấp)	80.005,00		80.005,00		
	Đất công viên cây xanh khu ở	25.983,00		25.983,00		
4	Đất giao thông - sân bãi	135.595,00	22,20%	142.813,00	23,40%	1,20%
	TỔNG CỘNG	610.271,00	100,00%	610.271,00	100,00%	

2. Dự kiến kinh phí đầu tư cơ sở hạ tầng

2.1. Đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn 1: (Từ trục đường Nguyễn Trường Tộ sang hướng Bắc của khu đất quy hoạch).

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Đã bồi thường GPMB	m ²	275.243		9.828.000.000
2	Bổ sung bồi thường GPMB		61.580		12.539.000.000

3	XD hạ tầng kỹ thuật				
2,1	San nền	m3	56.020	170.460,00	9.549.000.000
2,2	Hệ thống giao thông + thoát nước mặt	m2	5.996,78	7.592.207	45.529.000.000
2,4	Điện chiếu sáng + sinh hoạt	m	6.062,78	685.000,00	4.153.000.000
	Tổng mức đầu tư				81.598.000.000
	Làm tròn				81.598.000.000

2.2. Dự kiến đầu tư cơ sở hạ tầng giai đoạn 2: (Từ trục đường Nguyễn Trường Tộ sang hướng Nam của khu quy hoạch)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Bồi thường GPMB	m ²	56.103		12.018.000.000
2	XD hạ tầng kỹ thuật				
2,1	San nền	m3	51.565,88	170.460,00	8.790.000.000
2,2	Hệ thống giao thông + thoát nước mặt	m2	3.127,21	7.592.207	23.742.000.000
2,4	Điện chiếu sáng + sinh hoạt	m	3.193,21	685.000,00	2.187.000.000
	Tổng mức đầu tư				46.737.000.000
	Làm tròn				46.737.000.000

3. Dự kiến các nguồn thu từ thực hiện dự án

3.1. Dự kiến nguồn thu từ quy đất đầu tư giai đoạn 1

STT	NỘI DUNG	ĐVT	K.LƯỢNG	DT	TỔNG DT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Nhà liên kế	Căn	303	125	37875	1.500.000	56.812.500.000
2	Nhà biệt thự	Căn	177	375	66375	800.000	53.100.000.000
	Tổng giá trị bán đất						109.912.500.000
	Làm tròn						109.912.500.000

3.2. Dự kiến nguồn thu từ quy đất đầu tư giai đoạn 2:

STT	NỘI DUNG	ĐVT	K.LƯỢNG	DT	TỔNG DT	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Nhà liên kế	Căn	239	125	29.875	1.800.000	53.775.000.000
2	Nhà biệt thự	Căn	36	375	13.500	960.000	12.960.000.000
	Tổng giá trị bán đất						66.735.000.000
	Làm tròn						66.735.000.000